

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST.  
Ngày 24/3/2025.  
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hồng Diệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Văn Đoạt.

2/ Bà Đinh Thị Phương Lan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lương Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 406/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1998; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh **Nguyễn Hoàng M**, sinh năm: 1995; Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày như sau:**

**- Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Hoàng M tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T,

huyện B, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/4/2022. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, đầu năm 2023 chị và anh M bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, sau đó chị và anh M đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng M.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Hoàng M có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 22/9/2022, hiện cháu Như Ý đang do chị T nuôi dưỡng. Ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Như Ý và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và nợ chung*: Chị T xác định chị và anh M không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn anh Nguyễn Hoàng M trình bày***: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Hoàng M đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh M đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*\* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự; phía bị đơn đã không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng anh Nguyễn Hoàng M vẫn vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng M;

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 22/9/2022 cho chị Nguyễn Thị Bích T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét vì đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định vụ án như sau:*

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Bích T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng M.

Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Nguyễn Hoàng M có đăng ký thường trú tại ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Hoàng M được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX có cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Hoàng M xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2021 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/4/2022. Như vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Hoàng M là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân HĐXX thấy rằng: Trong quá trình chung sống với nhau giữa chị T và anh M có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị T và anh M sống ly thân với nhau mà theo như chị T trình bày thì nguyên nhân chủ yếu là vào đầu năm 2023 cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh M thường xuyên cãi nhau dẫn

đến cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vì vậy chị à anh M bắt đầu sống ly thân với nhau. Hiện nay chị T xác định chị không còn tình cảm gì với anh M nữa, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được và cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị T cương quyết ly hôn với anh Nguyễn Hoàng M.

Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho anh Nguyễn Hoàng M các thông báo mở phiên họp, tiếp cận công chứng cứ và hòa giải nhưng anh M vẫn mặt không có lý do. Điều này cho thấy anh M cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh với chị T. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của anh M và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. HĐXX thống nhất chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng M.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Nguyễn Thị Bích T xác định quá trình chung sống với nhau chị và anh M có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 22/9/2022.

Xét thấy, từ khi chị T và anh M sống ly thân với nhau thì cháu Như Ý được chị T nuôi dưỡng cho đến nay. Vì vậy, để không làm ảnh hưởng đến phát triển về thể chất cũng như tâm sinh lý ở trẻ nên tiếp tục giao cháu Như Ý cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, HĐXX thống nhất tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Như Ý cho chị Nguyễn Thị Bích T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị T xác nhận chị và anh M không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX miễn xét, sau này có phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[4] Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở nên được HĐXX xem xét chấp nhận.

[5] *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 227, 228 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng M.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 22/9/2022 cho chị Nguyễn Thị Bích T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Bích T nuôi con; anh M được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0001375 ngày 03/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị T không phải nộp thêm, anh M không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện

theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Hồng Điệp**